

**CÔNG TY TNHH TM-DV VÀ XÂY DỰNG CHUNG HÒA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM-DV VÀ XÂY DỰNG CHUNG HÒA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400740355

**3. Ngày đăng ký thành lập:** 11/08/2014

**4. Địa chỉ trụ sở chính:** Xóm Đông, Xã Quang Châu, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0985 765 972

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                       | 4100        |
| 2.  | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô                                                                                                                                           | 7710        |
| 3.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                              | 4520        |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                     | 4663(Chính) |
| 5.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                      | 3314        |
| 6.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy may công nghiệp             | 7730        |
| 7.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                          | 4530        |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Mua bán đất nguyên liệu, đất thải. Mua bán nhựa phế thải, ống nhựa các loại                                                  | 4669        |
| 9.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4752        |
| 10. | Bán buôn tổng hợp<br>Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ tổng hợp                                                                                                                                    | 4690        |
| 11. | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất                                                                                                                       | 4330        |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện ( máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện ) | 4659        |
| 13. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                              | 7911        |

|     |                                                                                                                                                                         |                                                              |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 14. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                            | 4220                                                         |
| 15. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                        | 4932                                                         |
| 16. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                       | 4721                                                         |
| 17. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                   | 7912                                                         |
| 18. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610                                                         |
| 19. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                            | 2592                                                         |
| 20. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311                                                         |
| 21. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                     | 5022                                                         |
| 22. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                | 1629                                                         |
| 23. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                      | 4632                                                         |
| 24. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                        | 4633                                                         |
| 25. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                  | 4620                                                         |
| 26. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759                                                         |
| 27. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm                                                                                   | 7810                                                         |
| 28. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                   | 4543                                                         |
| 29. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312                                                         |
| 30. | Sản xuất giày dép<br>Chi tiết: Gia công giày dép                                                                                                                        | 1520                                                         |
| 31. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình điện dưới 35 Kv                               | 4290                                                         |
| 32. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Kinh doanh than các loại                                                                      | 4661                                                         |
| 33. | Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)<br>Chi tiết: Máy may công nghiệp                                                                                         | 1410                                                         |
| 34. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                  | 4653                                                         |
| 35. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                      | 4719                                                         |
| 36. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ                                                                                                   | 5510                                                         |
| 37. | Bốc xếp hàng hóa<br>( Không bao gồm bốc xếp hàng hóa cảng hàng không )                                                                                                  | 5224                                                         |
| 38. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722                                                         |
| 39. |                                                                                                                                                                         | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 2.200.000.000 VNĐ

**7. Vốn pháp định:** 0 VNĐ

Thời gian đăng từ ngày 12/08/2014 đến ngày 21/08/2014

## 8. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: **VŨ VĂN HOAN**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 1970

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số: 142314985

Ngày cấp: 27/07/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Lộng Khê, Xã Đại Đức, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Lộng Khê, Xã Đại Đức, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

**9. Người đại diện theo pháp luật của công ty:**

Họ và tên: **VŨ VĂN HOÀN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Ngày sinh: 01/01/1970

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 142314985

Ngày cấp: 27/07/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Lộng Khê, Xã Đại Đức, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Lông Khê, Xã Đại Đức, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

**10. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang